

Bản án số: **03/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 05-02-2021

V/v: “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2020/TLST-HN, ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Tuyết T, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn 6 (thôn ĐP), xã L, huyện M, tỉnh Đăk Nông. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Võ Tá A, sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn XL, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/10/2020, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết T: Chị Nguyễn Tuyết T và anh Võ Tá A kết hôn với nhau năm 2014, khi lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Trong thời gian chung sống anh chị có với nhau 01 con chung là cháu Võ Như U, sinh ngày 18/02/2015, hiện tại cháu đang sống cùng với chị Nguyễn Tuyết T. Về tài sản chung và nợ chung chị Nguyễn Tuyết T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng: Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mỗi người có quan điểm sống khác nhau, trong công việc, nhà cửa, con cái cũng bất đồng ý kiến dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Tháng 5 năm 2020, chị Nguyễn Tuyết T nộp đơn xin ly hôn với anh Võ Tá A tại Tòa án, khi đó anh Võ Tá A mong muốn chị cho cơ hội để con cái có đầy đủ cả cha và mẹ

vì thương con còn nhỏ nên chị Nguyễn Tuyết T đã đồng ý rút đơn để hai bên quay về đoàn tụ nhưng từ đó đến nay, anh Võ Tá A cũng không quan tâm, không đón mẹ con chị về sống chung, không đến thăm hay gọi điện hỏi thăm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Bản thân chị Nguyễn Tuyết T nhận thấy không còn tình cảm yêu thương đối với anh Võ Tá A, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết. Về yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Tá A, về con chung chị Nguyễn Tuyết T xin nhận nuôi cháu Võ Như U và không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn anh Võ Tá A*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và thông báo hòa giải đoàn tụ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Võ Tá A nhưng anh Võ Tá A đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Tại biên bản xác minh ngày 01/12/2020 thì anh Võ Tá A có đăng ký hộ khẩu tại thôn XL, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông, tại thời điểm xác minh anh Võ Tá A vẫn đang có mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết T đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết T, chị Nguyễn Tuyết T được ly hôn với anh Võ Tá A; Về con chung: Giao cháu Võ Như U, sinh ngày 18/02/2015 cho chị Nguyễn Tuyết T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị Nguyễn Tuyết T (nguyên đơn) phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Tuyết T yêu cầu ly hôn với anh Võ Tá A, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Võ Tá A có địa chỉ cư trú tại thôn XL, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Nguyễn Tuyết T (nguyên đơn) vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án ngày 02/02/2021. Đối với anh Võ Tá A (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập hợp lệ nhiều lần (tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) để tham gia phiên tòa nhưng anh Võ Tá A cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về pháp luật nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Tuyết T và anh Võ Tá A kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc.

[5] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mỗi người có quan điểm sống khác nhau, trong công việc, nhà cửa, con cái cũng bất đồng ý kiến dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Tháng 5 năm 2020, chị Nguyễn Tuyết T nộp đơn xin ly hôn với anh Võ Tá A tại Tòa án, khi đó anh Võ Tá A mong muốn chị Nguyễn Tuyết T cho cơ hội để con cái có đầy đủ cả cha và mẹ vì thương con còn nhỏ nên chị Nguyễn Tuyết T đã đồng ý rút đơn để hai bên quay về đoàn tụ nhưng từ đó đến nay, anh Võ Tá A cũng không quan tâm, không đón mẹ con chị Nguyễn Tuyết T về sống chung, không đến thăm hay gọi điện hỏi thăm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 10/12/2020 cũng ghi nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Tuyết T và anh Võ Tá A đúng như nội dung chị Nguyễn Tuyết T đã trình bày.

[6] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Tuyết T và anh Võ Tá A là trầm trọng, không thể khắc phục, các bên không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, cuộc sống chung không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Tuyết T.

[7] Về con chung: Anh Võ Tá A, chị Nguyễn Tuyết T có 01 con chung là cháu Võ Như U, sinh ngày 18/02/2015, hiện nay cháu đang sống cùng chị Nguyễn Tuyết T. Do anh Võ Tá A không đến Tòa án để làm việc, không đưa ra quan điểm đối với việc tranh chấp nuôi con chung do đó cần chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Tuyết T là được nuôi con chung là phù hợp

[8] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Tuyết T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết T về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Tuyết T được ly hôn với anh Võ Tá A.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Như U, sinh ngày 18/02/2015 cho chị Nguyễn Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Võ Như U đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Võ Tá A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Nguyễn Tuyết T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

4. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Tuyết T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003690 ngày 03/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- UBND xã Đ, huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh